

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/DS-ST

Ngày: 29-9-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Đông và ông Lương Xuân Quyền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm đồng tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm đồng.

Ngày 29 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Lâm đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 106/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-DS ngày 20/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N; trụ sở tại: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường G, Thành phố Hà Nội);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người được uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Hoa L – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh G1, (theo quyết định uỷ quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc N)– Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn G, sinh năm 1975;

Địa chỉ thường trú: Tổ C, Đ, K, Đắc Nông (nay là xã K, tỉnh Lâm Đồng);

Nơi làm việc: Sở X; Địa chỉ đơn vị: Đường T, phường N, thành phố G, tỉnh Đắc Nông (Cũ) – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Văn G có vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố G1 nay là Chi nhánh G1 (*viết tắt là Ngân hàng*). Theo hợp đồng tín dụng số 5307LAV201901317 ngày 13/12/2019 đã được ký kết. Cụ thể như sau: Số tiền cho vay: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*); Định kỳ trả nợ gốc: Trả gốc, lãi 01 tháng/ lần vào ngày 02; Hạn trả cuối cùng 12/12/2023. Số tiền trả nợ gốc bằng nhau trong các kỳ (*phần lãi trả vào kỳ cuối*). Số tiền gốc trả mỗi kỳ: 3.125.000đ; Phương thức trả lãi: Cùng kỳ trả nợ gốc; Dư nợ tới thời điểm khởi kiện: 65.625.000đ; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng.

Tính đến hết ngày 07/05/2025, tổng dư nợ của ông Lê Văn G tạm tính (*do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh*) tại Ngân hàng là 98.585.449đ (*chín trăm tám mươi triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng*), trong đó: Nợ gốc: 65.625.000 đồng; Nợ lãi: 32.960.449 đồng (*lãi vay tạm tính đến hết ngày 07/05/2025*).

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu ông Lê Văn G thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng số 5307LAV201901317 ngày 13/12/2019. Tuy nhiên, tính đến nay ông Lê Văn G vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn G phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 98.585.449đ (*Chín trăm tám mươi triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng*), trong đó: Nợ gốc: 65.625.000đ; Nợ lãi: 32.960.449đ (*lãi vay tạm tính đến hết ngày 07/05/2025*). Buộc ông Lê Văn G phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5307LAV201901317 ngày 13/12/2019, kể từ ngày 08/05/2025 cho đến ngày thực tế Ông Lê Văn G trả hết nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn G trình bày: Ông G có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng ngày 13/12/2019, số tiền vay là 150.000.000đ (*một trăm năm mươi triệu đồng*). Tính đến ngày 07/5/2025, dư nợ gốc là 65.625.000đ và nợ lãi là 32.960.449đ. Tuy nhiên, khi ký hợp đồng Ngân hàng đã thỏa thuận sẽ tự động thu tiền gốc và lãi hàng tháng thông qua số tài khoản của ông G tại Ngân hàng nhưng đến ngày thu tiền thì Ngân hàng không thu tiền mặc dù ông G có tiền sẵn trong tài khoản, sau đó một thời gian thì Ngân hàng không thu tiền nữa mà tự động chuyển sang nợ xấu dẫn đến ảnh hưởng uy tín danh dự và gây thiệt hại cho ông G.

Nay Ngân hàng khởi kiện, ông G đồng ý trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn. *Không đồng ý trả nợ lãi quá hạn vì đây là lỗi của Ngân hàng không thu tiền của khách hàng chứ không phải ông G không trả.* Ông G sẽ trả luôn một lần nhưng Ngân hàng phải xóa nợ xấu cho ông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập

chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật tại các điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Bị đơn không tham gia phiên tòa. Như vậy, bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình xét xử.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc Buộc ông Lê Văn G phải trả cho Ngân hàng N (chi nhánh G1) 103.168.461đ, trong đó tiền gốc là 65.625.000đ, tiền lãi tính đến ngày 29/9/2025 là 37.5430461đ. Ông Lê Văn G phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 29/9/2025 cho đến ngày ông Lê Văn G thanh toán xong nợ gốc, lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn G trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 5307LAV201901317 ngày 13/12/2019; ông Lê Văn G có nơi làm việc tại Gia Nghĩa tại thời điểm khởi kiện, nên Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa (nay là Tòa án khu vực 6 – Lâm Đồng) có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa ông Lê Văn G đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vắng mặt không có lý do; Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông G phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 103.167.461đ, trong đó nợ gốc: 65.625.000đ, nợ lãi: 37.542.461đ và buộc ông Lê Văn G phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 29/9/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán hết tất cả mọi khoản nợ. Ông G đồng ý tiền gốc và lãi trong hạn, không đồng ý trả lãi quá hạn vì cho rằng tại thời điểm trả nợ trong tài khoản có tiền mà Ngân hàng không thu tiền để khoản nợ của ông thành nợ xấu nên ông yêu cầu Ngân hàng xóa nợ xấu thì ông G mới trả tiền.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc:

Ngân hàng và ông Lê Văn G ký kết hợp đồng tín dụng số 5307LAV201901317 ngày 13/12/2019, với số tiền cho vay: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), định kỳ trả nợ gốc: Trả gốc, lãi 01 tháng/ lần vào ngày 02; Hạn trả cuối cùng 12/12/2023. Số tiền trả nợ gốc bằng nhau trong các kỳ (*phần lãi trả vào kỳ cuối*). Số tiền gốc trả mỗi kỳ: 3.125.000 đồng; Phương thức trả lãi: Cùng kỳ trả nợ gốc; Mục đích vay vốn: Tiêu dùng. Khoản vay trên không có tài sản bảo đảm. Ông G ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả tiền, ông G đã thực hiện theo hợp đồng tín dụng, cụ thể đã trả nợ gốc là 27 lần $\times 3.125.000đ = 84.375.000đ$. Ông G thừa nhận đã trả gốc đúng như Ngân hàng đưa ra. Đối chiếu với bảng tính mà Ngân hàng cung cấp từ khi vay đến ngày 08/4/2022 ông G có thanh toán tiền gốc, từ ngày 09/4/2022 đến nay ông G không trả gốc. Theo hợp đồng thỏa thuận đến hạn trả cuối cùng là ngày 12/12/2023. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông G phải trả nợ gốc là 65.625.000đ phù hợp với Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

“Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

[2.3] Về tiền lãi:

Ngân hàng yêu cầu nợ lãi tính đến thời điểm xét xử gồm lãi trong hạn là 27.391.233đ và lãi quá hạn là 10.152.228đ. Ông G trình bày khi ký hợp đồng Ngân hàng đã thỏa thuận sẽ tự động thu tiền gốc và lãi hàng tháng thông qua số tài khoản của ông G tại Ngân hàng nhưng đến ngày thu tiền thì Ngân hàng không thu tiền mặc dù ông G có tiền sẵn trong tài khoản, sau đó một thời gian thì Ngân hàng không thu tiền nữa mà tự động chuyển sang nợ xấu dẫn đến ảnh hưởng uy tín danh dự và gây thiệt hại cho ông G. Ngân hàng khởi kiện ông G đồng ý trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn. Không đồng ý trả nợ lãi quá hạn vì là lỗi của Ngân hàng không thu tiền của khách hàng chứ không phải tôi không trả. Ông G sẽ trả luôn một lần nhưng Ngân hàng phải xóa nợ xấu cho ông G. Tại biên bản đối chất, Ngân hàng đồng ý cho ông G trả gốc và lãi trong hạn trả 1 lần, nhưng sau đó ông G không thực hiện, Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Ngân hàng có đơn trình bày vì muốn ông G trả một lần nên Ngân hàng chấp nhận giảm cho ông G lãi quá hạn, nhưng ông G không thực hiện theo trình bày nên yêu cầu Tòa án tính luôn cả lãi quá hạn chứ không đồng ý giảm lãi quá hạn cho ông G.

Đối với việc khoản vay của ông G chuyển qua nợ xấu: Ngân hàng cho rằng, các kỳ từ khi khoản vay bắt đầu đến tháng 4/2022 thì thu nợ đầy đủ nhưng đến tháng 5/2022 thì thu nợ không đúng để quá hạn 10 ngày. Lý do: Theo hợp đồng quy định phân kỳ thu

nợ vào ngày mùng 02 hàng tháng nhưng đến ngày 11/5/2022 mới có tiền lương chuyển vào tài khoản của ông G dẫn đến trễ hạn 10 ngày và chuyển nợ nhóm 2 theo hướng dẫn TT 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 (nhóm 2 là nhóm nợ chú ý và đã tự chuyển lên hệ thống CIC, nếu ông G trả toàn bộ nợ gốc và lãi thì lịch sử nợ cũng phải mất 12 tháng mới tự xóa trên hệ thống CIC). Tháng 5/2022, tiền lương vẫn vào tài khoản nhưng chỉ giữ khoảng vài ngày từ ngày 11/5/2022 đến trong ngày 16/5/2022 thì lại rút hết nên không thể tiến hành trừ nợ. Những tháng sau đó cũng tương tự, tiền lương cũng vào tài khoản nhưng chỉ vài ngày là rút hết nên ngân hàng không thể tiến hành trừ nợ theo quy định. Những tháng sau cũng diễn ra như vậy và kéo dài đến tháng 3 năm 2023 thì ông G có thắc mắc về khoản nợ nhưng lúc đó khoản nợ đã nhảy nợ xấu nhóm 4. Ngoài ra, Ngân hàng có tiến hành nhắc nợ và thông báo tin nhắn tự động về việc trả nợ qua số điện thoại của ông G 0985.046.979 nhưng ông G không thực hiện việc trả nợ nên phải chịu nợ xấu.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo bản kê tài khoản của ông G tại Ngân hàng xác định ngày 11/5/2022, ông G nhận được tiền lương, đối chiếu với hợp đồng tín dụng thể hiện “ngày trả tiền là ngày 02 hàng tháng”, như vậy tính đến khi ông G nhận lương đã trễ 10 ngày so với thời hạn trả, thuộc vào nhóm 2 theo hướng dẫn TT 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 (nhóm 2 là nhóm nợ chú ý và đã tự chuyển lên hệ thống CIC, nếu ông G trả toàn bộ nợ gốc và lãi thì lịch sử nợ cũng phải mất 12 tháng mới tự xóa trên hệ thống CIC). Lẽ ra, lúc này ông G phải có trách nhiệm báo lại với Ngân hàng để thu nợ nhưng ông G không thực hiện và rút số tiền lương ngay sau đó; nghĩa vụ trả nợ đúng hạn theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của ông G, ông G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên thành nợ quá hạn buộc ông G phải trả lãi trong hạn và tiền lãi trên gốc quá hạn là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng lãi đến ngày 29/9/2025 27.391.233đ và lãi quá hạn là 10.152.228đ, tổng số lãi là 37.543.461đ. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất và yêu cầu ông G phải trả là phù hợp với Điều 2 quy định về lãi suất và lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền ông Lê Văn G phải trả cho Ngân hàng là 103.168.461đ, trong đó tiền gốc là 65.625.000đ, tiền lãi tính đến ngày 29/9/2025 là 37.543.0461đ (lãi trong hạn 27.391.233đ, lãi quá hạn là 10.152.228đ).

[2.4] Về yêu cầu buộc ông Lê Văn G phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5307LAV201901317 ngày 13/12/2019, kể từ ngày 30/9/2025 cho đến ngày thực tế ông Lê Văn G trả hết nợ cho Ngân hàng là phù hợp, cần chấp nhận.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên ông Lê Văn G phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 103.168.461đ *5% = 5.158.000đ (*năm triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng Án lệ số 08/2016/ALHội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với ông Lê Văn G.

Buộc ông Lê Văn G phải trả cho Ngân hàng N (chi nhánh G1) 103.168.461đ (*một trăm lẻ ba triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi mốt đồng*), trong đó tiền gốc là 65.625.000đ (*sáu mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi lăm đồng*), tiền lãi tính đến ngày 29/9/2025 là 37.5430461đ (*lãi trong hạn 27.391.233đ, lãi quá hạn là 10.152.228đ*).

Kể từ ngày 30/9/2025, ông Lê Văn G còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 5307LAV201901317 ngày 13/12/2019 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N - Chi nhánh G1 cho vay thì lãi suất mà ông Lê Văn G phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N - Chi nhánh G1 theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N - Chi nhánh G1.

2. Về án phí:

Ông Lê Văn G phải chịu 5.158.000đ (*năm triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng N 2.465.000đ (*hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009639 ngày 20/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông (*nay là Phòng thi hành án khu vực 6 – Lâm Đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 6 – Lâm Đồng;
- PTHADS khu vực 6 – Lâm Đồng;;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến